

**DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM
CÔNG CHỨC VĂN PHÒNG CẤP ỦY**

(Ban hành kèm theo Quyết định số -QĐ/BTCTW, ngày tháng 12 năm 2025)

TT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
	I- Vị trí việc làm thuộc nhóm lãnh đạo, quản lý, trợ lý, thư ký	20
	1. Vị trí việc làm thuộc nhóm lãnh đạo, quản lý	18
	Ở Văn phòng Trung ương Đảng	08
1	Chánh Văn phòng Trung ương Đảng	
2	Phó Chánh Văn phòng Trung ương Đảng	
3	Cục trưởng	
4	Vụ trưởng	
5	Phó Cục trưởng	
6	Phó Vụ trưởng	
7	Trưởng phòng thuộc Cục	
8	Phó Trưởng phòng thuộc Cục	
	Ở tỉnh ủy, thành ủy (cấp tỉnh)	04
9	Chánh Văn phòng tỉnh ủy	
10	Phó Chánh Văn phòng tỉnh ủy	
11	Trưởng phòng	
12	Phó Trưởng phòng	
	Ở đảng ủy trực thuộc Trung ương (không bao gồm Quân đội và Công an)	02
13	Chánh Văn phòng đảng ủy	
14	Phó Chánh Văn phòng đảng ủy	
	Ở đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng	02
15	Chánh Văn phòng đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng	
16	Phó Chánh Văn phòng đảng ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng	

TT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
	Ở xã, phường, đặc khu (cấp xã)	02
17	Chánh Văn phòng đảng ủy cấp xã	
18	Phó Chánh Văn phòng đảng ủy cấp xã	
	2. Vị trí việc làm trợ lý, thư ký	02
1	Trợ lý	Thực hiện theo Quy định số 30-QĐ/TW, ngày 19/8/2021 của Bộ Chính trị
2	Thư ký	
	II- Vị trí việc làm thuộc nhóm chuyên môn, nghiệp vụ	78
	1. Ở Văn phòng Trung ương Đảng	32
1	Chuyên gia cao cấp	
2	Chuyên viên cao cấp về Văn phòng cấp ủy	
3	Chuyên viên chính về Văn phòng cấp ủy	
4	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	
5	Chuyên viên cao cấp về tài chính Đảng và kế hoạch, đầu tư	
6	Chuyên viên chính về tài chính Đảng và kế hoạch, đầu tư	
7	Chuyên viên về tài chính Đảng và kế hoạch, đầu tư	
8	Chuyên viên chính về lưu trữ	
9	Chuyên viên về lưu trữ	
10	Cán sự về lưu trữ	
11	Chuyên viên cao cấp về chuyển đổi số	
12	Chuyên viên chính về chuyển đổi số	
13	Chuyên viên về chuyển đổi số	
14	Trợ lý cơ yếu	
15	Cơ yếu viên	
16	Nhân viên cơ yếu	
17	Chuyên viên chính về quản trị công sở	

TT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
18	Chuyên viên về quản trị công sở	
19	Chuyên viên chính về hợp tác quốc tế	
20	Chuyên viên về hợp tác quốc tế	
21	Chuyên viên cao cấp về tổ chức, cán bộ	
22	Chuyên viên chính về tổ chức, cán bộ	
23	Chuyên viên về tổ chức, cán bộ	
24	Chuyên viên chính về thi đua khen thưởng	
25	Chuyên viên về thi đua khen thưởng	
26	Kế toán trưởng	
27	Kế toán viên chính	
28	Kế toán viên	
29	Văn thư viên chính	
30	Văn thư viên	
31	Văn thư viên trung cấp	
32	Thủ quỹ	
	2. Ở tỉnh ủy, thành ủy (cấp tỉnh)	22
33	Chuyên viên chính về Văn phòng cấp ủy	
34	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	
35	Chuyên viên chính về tài chính Đảng	
36	Chuyên viên về tài chính Đảng	
37	Chuyên viên chính về lưu trữ	
38	Chuyên viên về lưu trữ	
39	Cán sự về lưu trữ	
40	Chuyên viên chính về chuyển đổi số	

TT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
41	Chuyên viên về chuyển đổi số	
42	Trợ lý cơ yếu	
43	Cơ yếu viên	
44	Nhân viên cơ yếu	
45	Chuyên viên chính về quản trị công sở	
46	Chuyên viên về quản trị công sở	
47	Chuyên viên về hành chính, tổng hợp	
48	Chuyên viên về quản trị	
49	Kế toán trưởng	
50	Kế toán viên	
51	Văn thư viên chính	
52	Văn thư viên	
53	Văn thư viên trung cấp	
54	Thủ quỹ	
	3. Ở đảng ủy trực thuộc Trung ương (không bao gồm Quân đội và Công an)	10
55	Chuyên viên chính về Văn phòng cấp ủy	
56	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	
57	Chuyên viên về tài chính Đảng	
58	Chuyên viên về quản trị công sở	
59	Chuyên viên về chuyển đổi số	
60	Cơ yếu viên, Nhân viên cơ yếu	
61	Kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán (nếu có)	
62	Kế toán	
63	Văn thư, lưu trữ	
64	Thủ quỹ	

TT	Tên vị trí việc làm	Ghi chú
	4. Ở cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng	05
65	Chuyên viên chính về Văn phòng cấp ủy	
66	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	
67	Kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán (nếu có)	
68	Kế toán viên	
69	Văn thư, lưu trữ	
	5. Ở xã, phường, đặc khu (cấp xã)	09
70	Chuyên viên chính về Văn phòng cấp ủy	
71	Chuyên viên về Văn phòng cấp ủy	
72	Chuyên viên về chuyển đổi số	
73	Trợ lý cơ yếu	
74	Cơ yếu viên	
75	Nhân viên cơ yếu	
76	Kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán (nếu có)	
77	Kế toán viên	
78	Văn thư, lưu trữ	

Tổng số vị trí việc làm: **98**
